

KHẮC PHỤC NHỮNG KHÓ KHĂN TRONG VIỆC DẠY THỂ ĐỘNG TỪ TIẾNG NGA

OVERCOMING THE DIFFICULTIES IN TEACHING RUSSIAN VERB FORM

Phạm Thị Huyền Trang

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng; trangpham1124@gmail.com

Tóm tắt - Tiếng Nga là một trong những thứ tiếng được xem là khó nhất thế giới. Ngữ pháp tiếng Nga là một hệ thống được quy định bởi giống, số, cách, thời và thể, chúng liên kết với nhau rất chặt chẽ. Thể động từ là một phạm trù ngữ pháp cơ bản trong hệ thống động từ tiếng Nga và đây cũng là một trong những khó khăn đối với sinh viên trong quá trình học tập. Để đi sâu vào việc phân tích và tìm ra những cách thức phù hợp trong việc giảng dạy thể động từ, chúng tôi đã tiến hành khảo sát sinh viên năm 1 và năm 2 Khoa tiếng Nga, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng. Từ những khó khăn của sinh viên trong quá trình học, chúng tôi đã đưa ra một số lưu ý khi giảng dạy, đồng thời xây dựng hệ thống bài tập để rèn luyện và khắc phục khó khăn.

Từ khóa - thể động từ tiếng Nga; giống; số; cách; thể

1. Mở đầu

Tiếng Nga là một hệ thống các quy tắc, bị chi phối bởi các phạm trù như giống, số, cách, thời và thể,... Trong mỗi phạm trù đều có những khó khăn nhất định đối với sinh viên nước ngoài. Thể động từ là một trong những phạm trù rất quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến ý nghĩa, mục đích giao tiếp của người nói. Tuy nhiên phạm trù thể được xem là một trong những khía cạnh gây khó khăn mà sinh viên gặp phải khi nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Nga. Qua cuộc khảo sát sinh viên học tiếng Nga về những khó khăn trong quá trình học thể động từ, chúng tôi nhận được một số ý kiến cần phải phân tích và giải quyết. Để dạy thể động từ trong tiếng Nga trước hết người dạy cần phải xác định được phương pháp giảng dạy phù hợp với từng mảng kiến thức khác nhau và cách thức khai thác sao cho sinh viên có thể nắm và vận dụng được những kiến thức đã học. Bên cạnh đó cần phải tìm hiểu những khó khăn nào sinh viên thường gặp phải để có những cách dạy phù hợp.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Thể động từ tiếng Nga

Thể động từ là một phạm trù ngữ pháp cơ bản trong hệ thống động từ tiếng Nga. Hầu hết các động từ đều tồn tại theo từng cặp, tuy nhiên vẫn có số ít động từ chỉ có một dạng thể. Thể động từ bao gồm động từ hoàn thành thể (HTT) và động từ chưa hoàn thành thể (CHT). Mỗi cặp động từ đều có cùng một nghĩa từ vựng nhưng cách sử dụng của hai động từ là khác nhau. Ví dụ: cặp động từ **делать** – **сделать**. Trong đó **делать** là động từ chưa hoàn thành thể và **сделать** là động từ hoàn thành thể. Tuy cặp động từ này đều mang nghĩa là “làm” nhưng cách sử dụng của 2 động từ là khác nhau. Một số nét chính của thể động từ: động từ ở thể chưa hoàn thành (CHT) thể hiện những hành động thường xuyên xảy ra, lặp đi lặp lại nhiều lần, diễn tả quá trình của hành động, hoặc chỉ gọi tên hành động; động từ hoàn thành thể (HTT) thể hiện hành động diễn ra một lần

Abstract - Russian is one of the most difficult languages in the world. Russian grammar is a system defined by gender, number, manner, time, form which are closely linked. The verb is a basic grammatical category in the Russian verb system and this is also one of the difficulties for students in learning the Russian language. For a deeper analysis to find out suitable methods to assist in teaching the verb, we conducted a survey on the difficulties in learning the verb among 1st and 2nd students of Russian Faculty, University of Foreign Languages – The University of Da Nang. From the difficulties of students during learning process, we have offered some notes while teaching, as well as build an exercise system to help students practise and overcome difficulties.

Key words - Russian verb form; gender; number; manner; form

và có kết quả, kết quả hành động không được lưu lại tại thời điểm nói. Dựa vào từng nét nghĩa mà sinh viên lựa chọn động từ cho phù hợp [1, Tr 60].

Ví dụ: - Каждый день я *ложился спать* в 11 часов [1, tr. 66] (Mỗi ngày tôi đi ngủ lúc 11 giờ), đây là một hành động thường xuyên xảy ra nên sẽ dùng động từ chưa hoàn thành.

- Наконец-то я *прочитала* этот роман [1, Tr. 60] (Cuối cùng tôi cũng đọc xong tiểu thuyết này). Trong câu này *прочитала* thể hiện kết quả hành động.

Xét về cấu tạo của thể động từ thì nhìn chung các động từ thể hoàn thành thường được cấu tạo trên cơ sở các động từ chưa hoàn thành thể. Có một số phương thức hình thành các cặp động từ như: phương pháp sử dụng tiền tố, phương pháp sử dụng hậu tố, hoặc biến đổi hoàn toàn động từ. Xét một số ví dụ trong bảng sau:

Cách thức hình thành	Tiền tố/ hậu tố	Động từ chưa hoàn thành	Động từ hoàn thành
Sử dụng tiền tố	на-, по-, с-, ис-, у-, за-, рас-, про...	писать	написать
		делать	сделать
		смотреть	посмотреть
		видеть	увидеть
Nhờ sự trợ giúp của hậu tố	а-/ я- =>и-	решать	решить
		покупать	купить
		объяснять	объяснить
	hậu tố -ну-	промокать	промокнуть
		двигать	двинуть
		кричать	крикнуть
	-ива-, -ыва-, -ва-, -ева-	переписывать	переписать
		спрашивать	спросить
		передавать	передать

Biến đổi hoàn toàn	братъ	взять
	искать	найти
	класть	положить

Như vậy, khi học thể động từ tiếng Nga, để vận dụng được chúng, trước hết đòi hỏi sinh viên cần phải hiểu được ý nghĩa sử dụng của chúng, nhận biết động từ hoàn thành và chưa hoàn thành, ghi nhớ động từ theo từng cặp, từ những cặp động từ cho ví dụ cụ thể để thấy rõ sự khác nhau giữa chúng.

Đặc biệt, việc lựa chọn phương pháp giảng dạy là một yếu tố rất quan trọng quyết định đến việc hiểu bài của sinh viên. Việc lựa chọn phương pháp giải thích ngữ liệu học tập trong quá trình giảng dạy được thực hiện trên cơ sở phân tích phương pháp truyền đạt những điểm ngữ pháp cần cung cấp. Phân tích các đặc điểm ngữ pháp để làm sáng tỏ các đặc trưng cơ bản nhằm giúp sinh viên tiếp nhận được kiến thức và vận dụng được trong quá trình học. Phương pháp phân tích ngữ liệu về ngữ pháp nhằm mục đích vạch ra những cách thức để truyền tải nội dung như: những khái niệm nào cần phân tích, những phạm trù ngữ pháp nào gây khó khăn hơn cả đối với sinh viên; những điểm ngữ pháp không tương đồng với tiếng mẹ đẻ; những cấu trúc, phạm vi từ vựng phù hợp với từng cấp độ người học; những quy luật và việc vận dụng chúng vào trong lời nói; những kỹ năng ngữ pháp nào cần phải được khai thác để xác định nội dung ngữ liệu học tối thiểu.

Giải thích ngữ liệu học tập liên quan đến hoạt động làm quen, giới thiệu thông tin bằng việc truyền đạt những thông tin cần thiết đảm bảo việc nhận thức, hiểu và ghi nhớ nội dung học của người học để vận dụng vào trong lời nói.

Giảng viên có thể giới thiệu nội dung mới bằng cách đưa ra kiến thức mới và giải thích chúng. Để đưa ra những nội dung mới giảng viên có thể sử dụng biểu đồ, tranh, ảnh, bảng biểu và những tài liệu trực quan khác. Giải thích đưa ra những dấu hiệu, gợi ý nhằm kích thích khả năng tư duy của người học.

Trong giáo học pháp có các phương thức cơ bản sau đây giúp giới thiệu cho sinh viên làm quen với nội dung học tập mới: (1) Giáo viên giải thích hoặc các đoạn giải thích trong sách giáo khoa; (2) Sử dụng các phương tiện trực quan khác nhau (bảng biểu, sơ đồ, tranh ảnh,...); (3) Sử dụng ngữ cảnh. Ngoài ra, việc giới thiệu nội dung học còn có thể được tiến hành thông qua việc thực hiện một số bài tập nhất định. Giảng viên có thể kết hợp các cách thức giới thiệu khác nhau, tuy nhiên, việc lựa chọn cách thức và kết hợp chúng còn dựa trên các yếu tố như: tính chất của nội dung học; mối quan hệ với tiếng mẹ đẻ; giai đoạn học tập, trình độ đào tạo và độ tuổi của người học; nhiệm vụ giờ học cụ thể, loại hoạt động lời nói có thể sử dụng nội dung đó. Tính chất của nội dung học đóng vai trò quan trọng trong việc lựa chọn cách thức giải thích. Phương pháp trực quan được sử dụng khá phổ biến trong việc giải thích nội dung mới.

2.2. Khảo sát những khó khăn trong việc học thể động từ tiếng Nga và giải pháp khắc phục

2.2.1. Khảo sát khó khăn

Với những phương thức cấu tạo khác nhau, những ý

nghĩa sử dụng khác nhau của thể động từ gây ra những khó khăn nhất định đối với sinh viên trong quá trình học.

Chúng tôi đã tiến hành khảo sát, lấy ý kiến của sinh viên năm 1 và năm 2 Khoa tiếng Nga, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng về những khó khăn, trở ngại mà sinh viên gặp phải trong quá trình học thể động từ. Kết quả thu được thể hiện qua bảng sau:

2.2.2. Bảng kết quả khảo sát những khó khăn trong quá trình học thể động từ của sinh viên năm 1 và năm 2 Khoa tiếng Nga, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng.

Ý kiến của sinh viên	Số lần ý kiến	Ghi chú
Không nắm vững cách sử dụng của thể động từ trong tiếng Nga	37	50%
Không nhận biết được đâu là động từ thể chưa hoàn thành, đâu là động từ thể hoàn thành	19	26%
Ý kiến khác		
Không nắm rõ khi nào dùng tính động từ bị động và chủ động	7	24%
Khó khăn trong việc nhận biết thể động từ dựa vào nghĩa của câu	1	
Chia động từ theo ngôi	1	
Nhiều từ mới	1	
Không nắm được cách chia theo ngôi của một số cặp từ đặc biệt	1	
Quá nhiều động từ dẫn đến gây khó khăn trong việc nhớ nghĩa và cách sử dụng	1	
Trạng động từ	3	
Cách sử dụng liên từ который	2	24%
Động từ chuyển động	1	

Thông qua các ý kiến của sinh viên, chúng tôi tổng hợp và đưa ra kết luận (dựa trên thực tế khảo sát) rằng trong quá trình học thể động từ tiếng Nga, yếu tố gây khó khăn nhất chính là không nắm vững cách sử dụng của thể động từ trong tiếng Nga (50%) và không nhận biết được đâu là động từ thể chưa hoàn thành, đâu là động từ thể hoàn thành (26%). Ngoài ra một số đặc điểm ngữ pháp khác có liên quan đến thể động từ cũng gây ra những trở ngại cho người học như: trạng động từ bao gồm trạng động từ HT và CHT, không nắm được cách chia theo ngôi của một số cặp động từ đặc biệt...

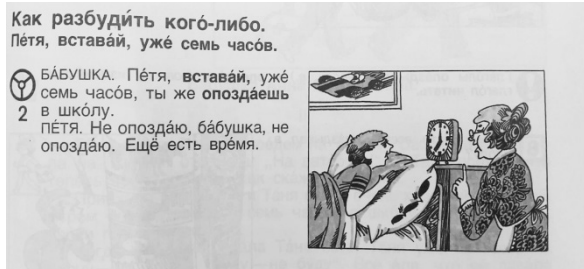
2.2.3. Giải pháp khắc phục khó khăn

Dựa trên kết quả khảo sát, với những cơ sở lý thuyết, kinh nghiệm giảng dạy và quan sát thực tiễn, chúng tôi đề ra một số giải pháp trong quá trình dạy thể động từ cho sinh viên như sau:

1) Giới thiệu động từ theo cặp, không giới thiệu riêng lẻ, chỉ ra đâu là động từ CHT và HT. Như vậy sinh viên sẽ dễ nhớ hơn và không bị nhầm lẫn giữa động từ CHT và HT, ví dụ: читать – прочитать; делать – сделать;...

2) Cho ví dụ cụ thể với mỗi cặp động từ để giúp sinh viên dễ hình dung hơn. Các động từ sẽ được giới thiệu theo

cặp. Ví dụ cặp động từ опоздывать – опоздать [3, Tr 107-108]:



3) Khi đưa ra cặp đồng từ mới, giảng viên nên hướng dẫn sinh viên cách chia, cách đánh trọng âm, liên hệ với những động từ cùng dạng. Ví dụ [3, Tr. 107-108]: cặp động từ вставать - встать được chia như sau:

- вставать (встаю, встаёшь, встают)
- встать (встану, встанешь, встанут)

4) Đưa ra những ví dụ kèm theo ngữ cảnh cụ thể. Dựa vào hình có thể cho ví dụ sau: - Наташа читала книгу 2 дня. Она долго читала, и наконец-то её прочитала. Dựa vào ví dụ và hình ảnh đã cho sinh viên sẽ dễ dàng nhận biết được khi nào thì dùng động từ chưa hoàn thành và hoàn thành thể.



5) Ra những dạng bài tập về nhà đòi hỏi sinh viên phải suy nghĩ và tư duy, ví dụ như: hãy kể về một ngày làm việc của bạn, kể về thời thơ ấu, những ước mơ và dự định trong tương lai,.... Thông qua những bài tập này, sinh viên sẽ phải tư duy để lựa chọn động từ phù hợp, thời thể phù hợp với yêu cầu đặt ra.

6) Sử dụng trực quan trong việc giới thiệu và giải thích thể động từ giúp sinh viên dễ hình dung hơn, cảm thấy thú vị, đỡ nhàm chán và nhanh hiểu hơn.

7) Gợi ý những dấu hiệu nhận biết riêng của mỗi thể động từ. Lưu ý những từ và cụm từ chỉ thời gian diễn tả quá trình hành động, thời gian kết thúc hành động,...

8) Yêu cầu sinh viên tự đưa ra ví dụ, để biết được mức độ hiểu bài của sinh viên. Các sinh viên tự đưa ra ví dụ và giải thích cho các bạn còn lại.

9) Cho sinh viên làm việc theo cặp, theo nhóm, hoặc sử dụng tình huống để giúp sinh viên nhớ lâu hơn.

...

Ngoài một số giải pháp chúng tôi đề ra trong quá trình dạy thể động từ thì chúng tôi có đề xuất hệ thống các dạng bài tập về thể động từ giúp sinh viên luyện tập, hiểu nội dung, vận dụng được chúng trên tất cả các phương diện nghe, nói, đọc, viết. Theo quan điểm của A.N. Shukin trong sách “Phương pháp dạy tiếng Nga như một ngoại ngữ” [2, Tr 57-61] có đưa ra một số dạng bài tập rèn luyện về ngữ

pháp sau đây (cụ thể trong bài này là bài tập về thể động từ):

1) Bài tập ngôn ngữ

Những dạng bài tập này nhằm hình thành kỹ năng sử dụng thời của động từ, từ đó giúp sinh viên nắm vững hơn việc sử dụng thể hoàn thành và chưa hoàn thành. Bài tập ngôn ngữ giúp phát triển kỹ năng về ngữ pháp, bao gồm:

a. Bài tập mô phỏng.

Trong bài tập dạng này, dựa vào những cấu trúc câu đã có sẵn, sinh viên thay thế bằng những cụm từ cho sẵn, không cần biến đổi gì thêm [2, Tr 58].

Ví dụ: Hãy hình thành câu bằng các cụm từ cho sẵn và dịch nghĩa của chúng [4, Tr 85].

1. В свободное время я часто читаю книги.

(слушаю музыку, гуляю в парке, смотрю телевизор, играю на гитаре, занимаюсь в библиотеке, готовлю блюда,...)

2. – Вера, вчера я смотрела фильм дома.

- А я разговаривала с подругой

(делала урок, слушала радио; читала книгу, смотрела спектакль; готовила блюда, отдыхала дома; гуляла в лесу)

b. Bài tập thay thế

Những dạng bài tập phổ biến ở dạng này như “Đùng những từ trong ngoặc để kết thúc câu”, “Điền vào chỗ trống ...”. Trong bài tập dạng này, những từ ngữ được đưa ở dạng gốc, sau đó sinh viên sẽ tự biến đổi để phù hợp với cấu trúc câu đã cho, hoặc đưa vào mẫu câu cho sẵn [2, Tr. 58].

Ví dụ: Điền động từ phù hợp vào chỗ trống.

– Что ты делал вчера, Антон?

– Я ... журнал «Вокруг света».

– Ты мог бы мне дать этот журнал?

– Конечно, ведь я уже ... его.

(читал – прочитал)

c. Bài tập biến đổi

Đây là dạng bài tập đòi hỏi thay đổi cấu trúc câu thường được áp dụng ở bài tập tình huống hoặc giao tiếp. Bài tập dạng này có thể là “Thay thế thời quá khứ của động từ bằng thời tương lai”, “Hãy đưa ra những câu trả lời phù hợp cho các câu hỏi đã cho”, ... Bên cạnh đó giảng viên có thể khai thác những bài tập này hiệu quả hơn bằng cách yêu cầu sinh viên thiết lập lại những đoạn ngữ cảnh cho sẵn. *Ví dụ:* Вчера я ходила на стадион. Завтра я тоже ...; sử dụng những đoạn phù hợp trong hội thoại. *Ví dụ:* Вы едете на каникулы в Италию? – Нет, ...(в Италии я уже был/была). Trong câu hỏi người ta sử dụng cách 4 nhưng lại yêu cầu sử dụng cách 6 để trả lời cho câu hỏi đó, miễn sao vẫn đảm bảo nội dung.

Bài tập dạng này cũng có thể thực hiện ở dạng trò chơi. *Ví dụ:* một sinh viên khẳng định là anh ta có 1 vật gì đó, còn 1 sinh viên khác nói rằng anh ta không có thứ đó. Sinh viên nào bị mắc lỗi thì sẽ được thay thế bằng một sinh viên khác. Người mắc lỗi thường là người đưa ra những cấu trúc phủ định, vì trong cấu trúc phủ định đòi hỏi sinh viên phải biến đổi dạng từ trong câu.

Bài tập biến đổi giúp củng cố kỹ năng ngữ pháp, chọn lựa đúng cấu trúc và dạng từ phù hợp, từ đó tạo ra những kỹ năng trong các tình huống giao tiếp. Để thực hiện bài tập dạng này sinh viên cần phải sử dụng những dữ liệu cho sẵn. Bài tập cơ bản của dạng này là “hỏi và trả lời”: *Вы завтракаете в 8 часов? Вы поедете на каникулы на юг?.* Bài tập này có thể được thực hiện thông qua bảng biểu, tranh ảnh, sơ đồ.... Sinh viên có thể nghe hoặc đọc một đoạn văn ngắn một vài lần, sau đó giảng viên sẽ khai thác bài tập dựa trên những thông tin mà sinh viên có thể nhớ được. Ví dụ: để luyện tập cho sinh viên qua chủ đề “Thì quá khứ của động từ” giảng viên có thể yêu cầu sinh viên kể lại bài khóa “Tôi đã trải qua ngày hôm qua như thế nào”,.... Ngoài ra, trong dạng bài tập biến đổi này, sinh viên có thay đổi thể của động từ từ hiện tại sang tương lai, hoặc từ quá khứ sang hiện tại [2, Tr. 59].

Ví dụ: Hãy trả lời câu hỏi, sử dụng những động từ cho trong ngoặc ở dạng phù hợp [6, Tr. 205].

- Что вы делали вчера вечером?
- вчера вечером я уроки, потом ... письмо домой.
- Вы знаете урок хорошо?
- Да, я ... урок хорошо.
- А вы ... письмо?
- Нет, я не ... письмо, потому что ко мне пришли гости.

(учить – выучить; писать – написать)

2) Bài tập giao tiếp

Mục đích của dạng bài tập này là hình thành kỹ năng cho sinh viên trong các hoạt động lời nói: nói, nghe, đọc, viết. Bài tập dạng này được thiết lập dựa trên cơ sở ngữ pháp đã được học. Bài tập giao tiếp gồm các dạng như: bài tập tình huống, bài tập đóng vai, những bài tập được xây dựng trên cơ sở những đoạn văn hoặc tài liệu trực quan.

a. Bài tập tình huống

Bài tập tình huống khá dễ khi sử dụng kết hợp với cơ sở ngữ pháp được xác định, đặc biệt nó được đưa vào dạng bài tập luyện tập trên cơ sở những nguyên tắc chức năng ngữ nghĩa. Những cấu trúc thể hiện mối quan hệ không gian thường gặp trong các đề tài như “Nhà, thành phố, trường học, phương tiện giao thông, du lịch”. Một số sách tiếng Nga đưa ra những bài tập tình huống liên quan đến những đề tài trên như: «Вы обставляете свою новую квартиру. Расскажите, какую мебель вы приобрели и как разместите её в комнатах». Đối với các đề tài này có thể đưa ra bài tập như sau: Вы задумали перестановку мебели в квартире. Что и когда вы переместите?. Trong bài này có thể áp dụng những động từ sau đây: ставить/поставить, вешать/повесить, класть/положить – куда?, стоять, висеть, лежать – где?. Có thể tiến hành trò chơi “Что где стоит в комнате? (Cái gì nằm ở đâu trong phòng?)”: письменный стол стоит у окна. Кресло стоит справа от дивана,...[2, Tr 60].

Ví dụ: Dựa vào bức tranh và dữ liệu cho sẵn để mô tả tình huống. Hãy tìm ra những lý do khác nhau để trả lời cho câu hỏi. Chú ý động từ được sử dụng trong bài (bài tập này nhằm mục đích giải thích và giúp sinh viên nắm vững cách sử dụng của cặp động từ *вставать* – *встать*) [3, Tr 107-108].



b. Bài tập được xây dựng trên cơ sở các văn bản, hình ảnh, những giờ học tham quan.

Để thực hiện được bài tập dạng này đòi hỏi sinh viên phải hiểu và vận dụng được những phương thức khác nhau để truyền đạt thông tin phụ thuộc vào điều kiện tình huống, thể loại văn bản, định hướng giao tiếp và đối tượng giao tiếp. Tài liệu hình ảnh trực quan, những giờ học tham quan tạo cơ sở ngữ nghĩa để sinh viên tự xây dựng lời nói và tham gia vào giao tiếp. Khi làm việc với văn bản cần chú ý đến phương pháp liên kết các phần của văn bản cũng như sử dụng cú pháp của đoạn hội thoại. Bài tập loại này bao gồm các dạng như: “Hãy tiếp tục câu chuyện”, “Chuyện gì sẽ xảy ra với anh ấy nếu như anh ấy...”, “Hãy trả lời thư điện tín mà bạn đã nhận được”, “Bạn là nhà biên tập, bạn cần phải rút gọn bài báo đã cho còn 3 trang mà không làm ảnh hưởng đến nội dung chính của bài báo”... [2, Tr 60].

Ví dụ: Dựa vào bức tranh hãy viết một đoạn mô tả nhỏ. Sử dụng cặp động từ *писать* – *написать* [3, Tr 8].



c. Bài tập giao tiếp và trò chơi đóng vai

Đây là mức độ cao nhất của dạng bài tập giao tiếp, giúp giải quyết những bài tập ngôn ngữ, giao tiếp. Những trò chơi giao tiếp có mục đích đẩy mạnh hoạt động lời nói của sinh viên, hoàn thành những kỹ năng lời nói khác nhau bao gồm cả ngữ pháp. 1) Đối với mục đích phát triển kỹ năng văn bản độc thoại dạng mô tả, chứng minh, so sánh, ví dụ: người chơi nhận chiếc bưu thiếp, không cho người khác xem, đặt câu hỏi cho những người còn lại và mô tả bưu thiếp. Người chiến thắng sẽ là người tìm ra được chiếc bưu thiếp cùng cặp. 2) Đối với mục đích hình thành liên kết văn bản, ví dụ: giảng viên phát cho mỗi sinh viên một mẫu giấy. Trong mỗi tờ giấy là 1 câu trong bài khóa. Các sinh viên không được trao đổi với nhau. Mỗi sinh viên tự nhớ câu của mình, sau đó giảng viên thu hết lại. Tiếp đến giảng viên đọc câu đầu tiên, các sinh viên sẽ lần lượt đọc câu của mình lên sao cho các câu có sự liên kết với nhau và đảm bảo đúng trật tự nội dung của văn bản [2, Tr 61].

Đối với trò chơi đóng vai, giáo viên sẽ đưa ra các tình huống, sinh viên sẽ đóng vai và xử lý tình huống đó. Dạng bài tập này giúp sinh viên phát triển khả năng tư duy, giao tiếp và liên kết nội dung.

Ví dụ: Dựa vào những tình huống dưới đây, bạn hãy đóng vai là mẹ của những người này và đưa ra lời khuyên cho họ. Sử dụng mệnh lệnh thức của những động từ hoàn thành và chưa hoàn thành cho phù hợp [1, Tr. 85].

1. У меня болят голова и голос. Температра 39.
2. Я хочу купить подарок подруге. У неё завтра будет день рождения.
3. Я хочу путешествовать за границу, но не знаю где лучше.
4. Мне нужна историческая книга. В нашей библиотеки её нет.

2.3. Một số nhận xét (bàn luận)

Chúng tôi cho rằng việc áp dụng các giải pháp trên vào quá trình dạy thể động từ tiếng Nga là hết sức cần thiết. Bởi lẽ, với những khó khăn mà các sinh viên năm 1 và năm 2 đưa ra, thì chúng tôi đã đề ra các giải pháp cụ thể để vận dụng vào quá trình dạy. Và ở mỗi giờ dạy, việc xác định mục tiêu và phương pháp là điều kiện tiên quyết mang lại thành công của buổi học. Với đặc thù của việc học ngoại ngữ thì không đơn giản chỉ cần hiểu được nội dung mà còn phải vận dụng được chúng trong quá trình giao tiếp. Vì thế, trong quá trình học người dạy nên giao cho sinh viên làm nhiều bài tập để rèn luyện khả năng làm bài và hình thành thói quen về tư duy ngôn ngữ. Do đó, cần phải làm phong phú và đa dạng hơn hệ thống bài tập, để tạo ra được nguồn tư liệu bổ ích phục vụ việc học tập và nghiên cứu của sinh viên.

Chúng tôi cho rằng các giải pháp chúng tôi đưa ra là hoàn toàn có khả năng đưa vào giảng dạy, cụ thể là chúng tôi sẽ áp dụng vào giảng dạy môn Ngữ pháp thực hành 1 và 2 đối với sinh viên tiếng Nga giai đoạn đầu.

3. Kết luận

Trên cơ sở tổng hợp, phân tích cơ sở lý thuyết, phân loại thể động từ, nêu đặc trưng ý nghĩa của từng thể, chúng tôi mong muốn mang đến cho người học cái nhìn chung và tổng quát về thể động từ, từng bước hiểu được ngữ liệu học tập, từ đó vận dụng được chúng trong quá trình học. Chúng tôi cũng đi sâu vào phân tích việc dạy thể động từ tiếng Nga cho sinh viên năm 1 như: đưa ra được các phương pháp giải thích ngữ liệu học tập, những điểm cần lưu ý và liệt kê các dạng bài tập có thể sử dụng để luyện tập cho sinh viên. Chúng tôi đã tiếp cận và khảo sát lấy ý kiến của sinh viên để nắm được những khó khăn, những trở ngại của sinh viên trong quá trình học thể động từ. Từ những tổng hợp phân tích và kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình giảng dạy, chúng tôi đề xuất hệ thống bài tập, các dạng bài tập khác nhau nhằm phục vụ công tác giảng dạy, đồng thời khắc phục những khó khăn của sinh viên, luyện tập cho sinh viên, giúp sinh viên hiểu và vận dụng được ngữ liệu học tập trong các hoạt động lời nói, viết. Đây cũng là mục đích chính trong bài nghiên cứu của chúng tôi. Với kết quả bài nghiên cứu mang lại, chúng tôi mong muốn được vận dụng vào quá trình giảng dạy tại Khoa tiếng Nga, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng, cụ thể là môn Ngữ pháp thực hành 1 và 2.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Аркадьева Э. В., *Пособие по грамматике русского языка для иностранных учащихся*, Москва - 1998.
- [2] Щукин. А. Н, *Практическая методика обучения русскому языку как иностранному*, М.: Русский язык, 2003.
- [3] Архипова. Л. В., *Изучаем виды глагола*, Тамбов – 2010.
- [4] Костомаров. В. Г, *Русский язык для всех*, Москва – 1989.
- [5] Вятютнев. М. Н., *Русский язык 3*, Москва – 1989.
- [6] Хавронина С. А, Широценская А. И. *Русский язык в упражнениях*, 1999, *Bài tập tiếng Nga*, Nguyễn Đức Trường dịch và chú thích, Nhà xuất bản Giao thông vận tải, 1999.

(BBT nhận bài: 10/03/2017, hoàn tất thủ tục phản biện: 21/03/2017)